TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 221/2024/HS-PT Ngày 22 - 5 - 2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 459/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo Trần Thị Á và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2023/HS-ST ngày 01-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành;

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Á, sinh năm 1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 07915902326X; nơi đăng ký thường trú: Tổ C, Ấp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Trần Thị H (đã chết); có chồng tên Võ Văn Đ và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 586/HS-PT ngày 17-4-2003, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", theo khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/HS-ST ngày 30/7/2008, Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 74/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Lình A P (tên gọi khác: Sáu nhỏ), sinh năm 1958 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07505800013X; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; con ông Lình Chúng D (đã chết) và bà Bùi Thị L (đã chết); có vợ tên Lý Sy M và có 06 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 81/2008/HS-PT ngày 08/4/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc", theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 162/2022/HS-ST ngày 10-6-2022, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 07 tháng 10 ngày tù (bằng thời hạn bị tạm giữ, tạm giam) về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 03-3-2021; ngày 31-8-2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - thành phố V giữ người trong trường hợp khẩn cấp trong vụ án khác (Quyết định khởi tố bị can số: 557/QĐ-Đ2 ngày 08-9-2023); hiện nay, bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Quang M1 (tên gọi khác: K), sinh năm 1984 tại Bình Dương; Căn cước công dân số: 07708401229X; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần T (đã chết) và bà Lê Thị K1; có vợ tên Nguyễn Thị Thu H1 và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 121/2015/HS-PT ngày 07-9-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" xử phạt bổ sung 10.000.000 đồng, theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số:

77/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 1974 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Thanh H3 (đã chết) và bà Bùi Thị T1; có chồng tên Nguyễn Đức H4 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2019/HS-ST ngày 23-7-2019, Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 03-3-2021; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 78/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Lâm Thị T2 (tên gọi khác: H5), sinh năm 1965 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 07916500502X; nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lâm C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K2 (đã chết); có chồng tên Nguyễn Viết L1 và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2008/HS-ST ngày 18-01-2008, Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc";

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 39/QĐ-XPHC ngày 21-12-2015, Công an tỉnh B xử phạt vi phạm 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 79/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thanh H6, sinh năm 1981 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Căn cước công dân số: 07708100013X; nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông

Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Trần Thị H7; có vợ tên Trần Thị P1 (ly hôn năm 2011) và có 01 con; có vợ tên Nguyễn Ngọc D1 (ly hôn năm 2020); tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 50/2000/HS-PT ngày 17-11-2020, Tòa án nhân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 80/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Thị Kim N1, sinh năm 1969 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Căn cước công dân số: 07416900216X; nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Hữu K3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D2 (đã chết); có chồng tên Lý Văn B và có 06 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 03-3-2021; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 81/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

8. Lý Sy M, sinh năm 1962 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Căn cước công dân số: 07516200015X; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lý Công P2 (đã chết) và bà Lục Cẩm M2 (đã chết); có chồng tên Lình A P và có 06 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 162/2022/HS-ST ngày 10-6-2022, Tòa án nhân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 05 tháng 13 ngày tù (bằng thời hạn bị tạm giữ, tạm giam) về tội "Đánh bạc"; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020; ngày 31-8-2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - thành phố V giữ người trong trường hợp khẩn cấp trong vụ án khác (Quyết định khởi tố bị can số: 556/QĐ-Đ2 ngày 08-9-2023); hiện nay, bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị D3, sinh năm 1958 tại C-pu-chia; Căn cước công dân số: 00015800006X; nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông

Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà Trần Thị S (đã chết); có chồng tên Bùi Huy N3 và có 06 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2020 đến ngày 03-3-2021; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 82/2024/LCĐKNCT ngày 01-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 25 bị cáo khác, không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 04/10/2020, Công an tỉnh Đ phối hợp với Công an huyện L, phát hiện, bắt quả tang các đối tượng đang tổ chức đánh bạc và đánh bạc (hình thức xóc đĩa), thắng thua bằng tiền tại vườn điều, thuộc Tổ C, Ấp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, gồm: Võ Văn Đ, Trần Thị Á, Trần Minh P3, Vũ Thị H8, Lê Thành S1, Lình A, Nguyễn Thanh T3, Phạm Quang T4, Phạm Văn V, Trần Quang M1, Đinh Chí C2, Trần Thị Kim N1, Nguyễn Thị H9, Nguyễn Thị Thanh T5, Ngô Thị Thành S2, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị S3, Ngô Thị T6, Lý Sy M, Nguyễn Văn H10, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị D3, Trương Thị H11, Lâm Thị T2, Đặng Thị Hồng D4, Nguyễn Thanh H6, Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Thị Thúy H2, Hồ Thị H12, Phạm Thị T7, Nguyễn Đức T8 và Mai Thị Tuyết . Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 31.500.000 đồng (ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng), 01 đĩa sứ, 01 bát nhựa dùng để xóc đĩa, 04 quân vị, 01 bộ bài tây đã qua sử dụng và 01 tấm bạt; thu giữ trên những người tham gia đánh bạc số tiền 105.400.000 đồng.

Sòng bạc trên do Võ Văn Đ tổ chức khoảng từ cuối tháng 9/2020 đến ngày bị bắt. Hình thức chơi là "xóc đĩa", cụ thể: Người làm cái để 04 quân "vị" hình tròn (được cắt ra từ lá bài tây 52 lá) vào chiếc đĩa, úp lên một chiếc bát và xóc; sau khi xóc xong, người chơi sẽ đặt tiền cược vào bên chẵn hoặc bên lẻ; sau đó mở bát ra, số mặt có con "vị" hiện lên là số chẵn, thì người đặt bên chẵn thắng bên lẻ thua; số mặt có con vị hiện lên là số lẻ, thì người đặt bên lẻ thắng, bên chẵn thua. Những người đánh bạc tự ăn thắng thua với nhau, còn Võ Văn Đ là người thu tiền xâu. Cách thức thu tiền xâu: Khi 03 mặt quân vị đều màu

đen, thì người thu tiền xâu sẽ thu 05% số tiền thắng. Quá trình tổ chức đánh bạc: Đ thuê Lình A P là người xóc đĩa làm cái; thuê Lê Thành S1 là người thu tiền xâu; thuê Trần Minh Đ1, Trần Minh T9 và đối tượng tên Đ2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người có nhiệm vụ giăng bạt, canh đường và làm nhiệm vụ chở các con bạc đến sòng bạc; Trần Thị Á, Trần Minh P3 và Vũ Thị H8 là người cung cấp thức ăn, nước uống cho các con bạc. Võ Văn Đ trả tiền công cho Đ1, T9, Đ2, S1 số tiền 300.000 đồng/ngày và trả công cho Lình A P số tiền 500.000 đồng/ngày; còn Á, P, H8 (là người nhà của Đ) thì Đ không trả tiền công. Ngoài ra, còn một số ngày, Đ nhờ Nguyễn Thanh T3 thu tiền xâu nhưng không trả công cho T3.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 04/10/2020, Võ Văn Đ nói cháu nội của Đ là Trần Minh T9 cùng với Đ2, đến khu vực vườn tràm nêu trên, để giăng và trải bạt, chuẩn bị cho việc tổ chức đánh bạc; ngoài ra, T9 và Đ2 còn có nhiệm vụ làm xe ôm chở khách vào sòng, để đánh bạc và cảnh giới sòng bạc. Đ ở nhà dùng kéo cắt các quân vị và chuẩn bị dụng cụ, để phục vụ đánh bạc. Đến 15 giờ 00 cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô biển số 72F1-269.02 vào khu vực tổ chức sòng bạc và gọi cho L2 A P làm cái. Đ thuê S1 nhà ở Ấp F, xã B, huyện L, phụ thu tiền xâu trong sòng bạc.

Ngày 04/10/2020, có những người đến tham gia đánh bạc như sau:

1/ Nguyễn Thanh T3 mang theo 4.000.000 đồng, sau khi đánh bạc thua hết tiền, T3 đã phụ giúp Đ thu tiền xâu tại sòng bạc.

2/ Phạm Quang T4 mang theo 13.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 3.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng sử dụng đánh bạc bị thu giữ.

3/ Phạm Văn V mang theo 15.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 10.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng bị thu giữ.

4/ Trần Quang M1 mang theo 1.100.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 900.000 đồng, còn 200.000 đồng bị thu giữ.

5/ Đinh Chí C2 mang theo 1.200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 200.000 đồng, còn 1.000.000 đồng bị thu giữ.

6/ Trần Thị Kim N1 mang theo 500.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

7/ Nguyễn Thị H9 mang theo 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 200.000 đồng, còn 800.000 đồng bị rớt mất trong quá trình bỏ chạy.

8/ Nguyễn Thanh T5 mang theo 3.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 2.850.000 đồng, còn 150.000 đồng bị thu giữ.

9/ Ngô Thị Thành S2 mang theo 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

10/ Nguyễn Thị N4 mang theo 15.200.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 1.200.000 đồng, còn 14.000.000 đồng (không sử dụng đánh bạc) bị thu giữ.

11/ Nguyễn Thị S3 mang theo 12.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 2.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc bị thu giữ.

12/ Ngô Thị T6 mang theo 1.500.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

13/ Lý Sy M mang theo 2.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thắng 200.000 đồng, bị thu giữ tổng 2.200.000 đồng.

14/ Nguyễn Văn H10 mang theo 700.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thắng 200.000 đồng, bị thu giữ tổng 900.000 đồng.

15/ Nguyễn Thị B1 mang theo 800.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

16/ Nguyễn Thị D3 mang theo 800.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 600.000 đồng, còn 200.000 đồng bị thu giữ.

17/ Trương Thị H11 mang theo 600.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

18/ Lâm Thị T2 mang theo 3.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt còn lại khoảng hơn 2.000.000 đồng bị rớt trong quá trình bỏ chạy.

19/ Đặng Thị Hồng D4 mang theo 800.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

20/ Nguyễn Thanh H6 mang theo 12.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 11.100.000 đồng, còn 900.000 đồng bị thu giữ.

21/ Nguyễn Thị Tuyết A mang theo 22.700.000 đồng, sử dụng 2.700.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 700.000 đồng và rớt mất 2.000.000 đồng trong quá trình bỏ chạy, còn 20.000.000 đồng (không sử dụng đánh bạc) bị thu giữ.

22/ Nguyễn Thị C3 mang theo 800.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 750.000 đồng, số tiền còn lại mua nước uống và rớt mất trong quá trình bỏ chạy.

23/ Nguyễn Thị Thúy H2 mang theo 400.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thắng 200.000 đồng và được một người đàn ông cho 200.000 đồng, tổng cộng là 800.000 đồng bị rớt trong quá trình bỏ chạy.

24/ Hồ Thị H12 mang theo 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 950.000 đồng, còn 50.000 đồng bị thu giữ.

25/ Phạm Thị T7 mang theo 500.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua 200.000 đồng, còn 300.000 đồng bị rớt mất trong quá trình bỏ chạy.

26/ Nguyễn Đức T8 mang theo 900.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

27/ Mai Thị T10 mang theo 1.300.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt thua hết.

Tại thời điểm bắt quả tang, còn một số đối tượng đánh bạc khác nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch đã bỏ chạy thoát. Tổng số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên những người đánh bạc sử dụng vào việc đánh bạc là 52.100.000 đồng (trong đó, thu trên chiếu bạc số tiền 31.500.000 đồng và thu trên những người đánh bạc sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 20.600.000 đồng).

Tính đến ngày bị bắt, Võ Văn Đ hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc là 14.500.000 đồng; Lình A P hưởng lợi 2.400.000 đồng (đã bị tạm giữ 100.000 đồng); T6 hưởng lợi 500.000 đồng và S1 hưởng lợi 2.100.000 đồng.

Đối với Trần Minh Đ1 (cháu nội của bị cáo Võ Văn Đ, Trần Thị Á; con ruột của bị cáo Vũ Thị H8, anh trai bị cáo Trần Minh T9) một số ngày trước đó có hành vi giúp sức cho bị cáo Đ như đã nêu trên. Ngày 04/10/2020, Đ1 không có mặt tại sòng bạc và không có hành vi giúp sức cho Đ. Những lần tổ chức trước đó không xác định được số tiền đánh bạc và những người chơi đánh bạc, nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đ1.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2023/HS-ST ngày 01-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, đã áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quyết định như sau:

1/ Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng với các bị cáo Trần Thị P4 và Lê Thành S1); Điều 38; Điều 58. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn Đ (tên gọi khác: B), Lình A P5 (tên gọi khác: Sáu nhỏ), Trần Thị Á, Trần Minh P3, Lê Thành S1 (tên gọi khác: Lê Thanh S4) phạm tội "Tổ chức đánh bạc";

- Xử phạt Võ Văn Đ (tên gọi khác: Ba Đ3): 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt Lình A P5 (tên gọi khác: S5 nhỏ): 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt Lê Thành S1 (tên gọi khác: Lê Thanh S4): 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt Trần Thị Á: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.

- Xử phạt Trần Minh P3: 02 (hai) năm tù.

2/ Căn cứ điểm a, c, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 và Điều 65. Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị H8 và Trần Minh T9 (tên gọi khác: B2) phạm tội "Tổ chức đánh bạc";

- Xử phạt Vũ Thị H8: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Xử phạt bổ sung Vũ Thị H8: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Trần Minh T9 (tên gọi khác: B2): 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Xử phạt bổ sung Trần Minh T9: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

3/ Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55, Điều 58. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T3 phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc"; xử phạt Nguyễn Thanh T3: 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội: 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

4/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng với các bị cáo Trần Quang M1, Nguyễn Thị Thúy

H2, Mai Thị T10); Điều 38; khoản 1 Điều 56 (áp dụng với bị cáo Phạm Văn V); Điều 58. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn V, Trần Quang M1 (tên gọi khác: K4), Trần Thị Kim N1, Lý Sy M, Nguyễn Thị D3, Lâm Thị T2 (tên gọi khác: H5), Nguyễn Thanh H6, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Thị Thúy H2, Nguyễn Đức T8, Mai Thị T10 phạm tội "Đánh bạc";

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn V: 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HSST ngày 04-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án: 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H6: 03 (ba) năm tù.

- Xử phạt cáo Mai Thị T10: 02 (hai) năm tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Quang M1 (tên gọi khác: K): 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị T2 (tên gọi khác: H5): 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H2: 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lý Sy M: 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T8: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D3: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo cáo Nguyễn Thị C3: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim N1: 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

5/ Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58; Điều 65. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang T4, Đinh Chí C2, Ngô Thị Thành S2 (tê gọi khác: M3), Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị H9, Nguyễn Thị Thanh T5, Nguyễn Thị S3, Ngô Thị T6, Nguyễn Văn H10, Phạm Thị T7, Nguyễn Thị B1, Đặng Thị Hồng D4, Nguyễn Thị Tuyết A, Hồ Thị H12 (tên gọi khác: G), Trương Thị H11 phạm tội "Đánh bạc";

- Xử phạt Phạm Quang T4: 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Quang T4: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đinh Chí C2: 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Đinh Chí C2: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thành S2 (tên gọi khác: M3): 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Xử phạt bổ sung bị cáo Ngô Thị Thành S2: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N4: 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị N4: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H9: 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị H9 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5: 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S3: 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị S3 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị T6: 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm (02) hai tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Ngô Thị T6: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H10: 01 (một) 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H10: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T7: 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị T7: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B1: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị B1: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Hồng D4: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị Hồng D4: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Hồ Thị H12 (tên gọi khác: G): 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Hồ Thị H12: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Trương Thị H11: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Xử phạt bổ sung bị cáo Trương Thị H11: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

6/ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Trần Thị Á, Lình A, Trần Quang M1, Nguyễn Thị Thúy H2, Lâm Thị T2, Nguyễn Thanh H6, Trần Thị Kim N1, Lý Sy M, Nguyễn Thị D3, Lê Thành S1 và Nguyễn Thanh T3 kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

4. Rút kháng cáo:

Ngày 13-3-2024, các bị cáo Lê Thành S1 và Nguyễn Thanh T3 có đơn rút kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo về việc rút kháng cáo số: 69/2024/TB-TA ngày 19-3-2024. Quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Thành S1 và Nguyễn Thanh T3 đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết đối với các kháng cáo còn lại.

5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về lý lịch bị cáo; xác định ngày bắt và trả tự do:

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo xuất trình căn cước công dân, thể hiện có một số bị cáo có sai khác về địa chỉ so với lý lịch bị can và bản án sơ thẩm. Để đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào căn cước công dân, để điều chỉnh lại cho phù hợp.

Các bị cáo có kháng cáo trong vụ án đều bị bắt quả tang vào ngày 04-10-2020 (bút lục số 01); sau đó, chuyển tạm giữ, tạm giam. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày bị bắt 05-10-2020 là chưa chính xác; đồng thời, ngày được trả tự do đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy H2 cũng không đúng; do đó, điều chỉnh lại tại bản án phúc thẩm này. Đối với các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể điều chỉnh, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án cho phù hợp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo có kháng cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Lình A P5 và Trần Thị Á phạm tội "Tổ chức đánh bạc", theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; xác định các bị cáo Trần Quang M1, Lý Sy M, Nguyễn Thị D3, Lâm Thị T2, Nguyễn Thanh H6, Nguyễn Thị Thúy H2 và Trần Thị Kim N1 phạm tội "Đánh bạc", theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Quang M1 và Nguyễn Thị Thúy H2 đang có tiền án lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp "tái phạm", theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị D3 cung cấp đơn được chính quyền địa phương xác nhận và hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân nhiều bệnh, có chồng là thương binh ¾ tỉ lệ thương tích 41%. Các bị cáo Trần Quang M1, Nguyễn Thanh H6 và Trần Thị Kim N1 cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó

khăn, có con nhỏ. Bị cáo Lâm Thị T2 cung cấp phiếu khám bệnh. Áp dụng cho các bị cáo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị D3 và Trần Thị Kim N1: Cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bị cáo D3 là người cao tuổi (Điều 2 Luật Người cao tuổi), các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao; do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với các bị cáo còn lại: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, việc cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo hình phạt nêu trên là phù hợp và đã xem xét giảm nhẹ; mặc dù, tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh H6, Trần Quang M1 và Lâm Thị T2 có tình tiết mới nêu trên nhưng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo có kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Nội dung khác có liên quan:

Trong vụ án, các bị cáo Phạm Quang T4, Đinh Chí C2, Ngô Thị Thành S2 và Nguyễn Thị N4 đều có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc". Lần phạm tội này, các bị cáo bị xét xử tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo này được hưởng án treo là chưa phù hợp điểm a khoản 2 Điều 2 của Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự nêu trên.

Quyết định của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo này không bị kháng nghị, nên đã có hiệu lực pháp luật; do đó, trong bản án này, cần thiết phải kiến nghị đến cấp giám đốc thẩm.

[6] Chấp nhận một quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Á, Lình A, Trần Quang M1, Nguyễn Thị Thúy H2, Lâm Thị T2, Nguyễn Thanh H6 và Lý Sy M;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị D3 và Trần Thị Kim N1.

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2023/HS-ST ngày 01-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Các bị cáo Trần Thị Á và Lình A:

Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo sau đây về tội "Tổ chức đánh bạc":

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Á 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020.

- Xử phạt Lình A Phúc 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 03-3-2021.

1.2. Các bị cáo Trần Quang M1 và Nguyễn Thị Thúy H2:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 đối với M1); điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo sau đây về tội "Đánh bạc":

- Xử phạt bị cáo Trần Quang M1 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi

thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H2 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 03-3-2021.

1.3. Các bị cáo Nguyễn Thanh H6, Lâm Thị T2 và Lý Sy M:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo sau đây về tội "Đánh bạc":

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H6 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị T2 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020.

- Xử phạt bị cáo Lý Sy M 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị bắt (quả tang), tạm giữ, tạm giam, từ ngày 04-10-2020 đến ngày 31-12-2020.

1.4. Bị cáo Nguyễn Thị D3 và Trần Thị Kim N1:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D3 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc"; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22-5-2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim N1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Đánh bạc"; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22-5-2024.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng áo treo.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị D3 cho Ủy ban nhân xã Đ; giao bị cáo Trần Thị Kim N1 cho Ủy ban nhân xã B, cùng thuộc huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu, nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo. Trường hợp có bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí:

Các bị cáo Trần Thị Á, Lình A, Trần Quang M1, Nguyễn Thị Thúy H2, Lâm Thị T2, Nguyễn Thanh H6 và Lý Sy M; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị D3 và Trần Thị Kim N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Kiến nghị:

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2023/HS-ST ngày 01-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, về phần quyết định hình phạt đối với những người bị kết án: Phạm Quang T4, Đinh Chí C2, Ngô Thị Thành S2 và Nguyễn Thị N4.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo (9);
- Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (để xem xét kiến nghị trong bản án);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vũng Tàu;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai và Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

- Ủy ban nhân xã Đá Bạc và Ủy ban nhân xã Bình Giã, huyện Châu Đức;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và VP.